

INTERNATIONALIZATION DEVELOPMENT IN GENERAL EDUCATION: INTERNATIONAL EXPERIENCES AND IMPLICATIONS FOR VIETNAM¹

Nguyen Van Thang¹

Le Tuan Kiet²

^{1, 2}Thu Dau Mot University

Email: thangnv.ks@tdmu.edu.vn¹; 2423102060123@student.tdmu.edu.vn²

Received: 27/02/2026; Reviewed: 01/3/2026; Revised: 5/3/2026; Accepted: 19/3/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i1.354>

Abstract: *In the context of globalization and digital transformation, the internationalization of general education has become a strategic priority for enhancing national competitiveness and preparing human resources capable of adapting to a multipolar world. This article employs a qualitative research approach, combining document analysis and comparative international perspectives to clarify the concepts, levels, and models of internationalization in general education. The findings indicate that internationalization is not merely the adoption of international curricula or student exchange programs, but a systematic integration of global and intercultural dimensions into educational goals, curricula, pedagogical approaches, school governance, and school culture. International experiences highlight the importance of a coherent national strategy, the development of students' global competence, competency-based assessment reform, investment in teacher capacity, and maintaining a balance between global integration and national cultural identity. Based on these insights, the article proposes policy implications for Vietnam, including the establishment of a coherent institutional framework, localization of global competence within the national curriculum, reform of assessment systems, and development of a globally competent teaching workforce. These measures aim to cultivate a generation of citizens equipped with global knowledge and a strong Vietnamese identity.*

Keywords: *Global citizenship; Digital transformation in education; International experiences; Internationalization of general education.*

1. Đặt vấn đề

Quốc tế hóa giáo dục phổ thông hiện nay đã vượt xa khỏi ý nghĩa của một trào lưu nhất thời để trở thành một cuộc chạy đua chiến lược nhằm tái định vị năng lực cạnh tranh quốc gia trên bản đồ tri thức toàn cầu. Sự bùng nổ của các vấn đề xuyên biên giới và nền kinh tế số đòi hỏi các hệ thống giáo dục phải chuyển mình từ việc truyền thụ tri thức bản địa sang việc kiến tạo nên những công dân có khả năng tư duy và hành động trong môi trường hội nhập quốc tế. Thực tiễn từ những quốc gia cho thấy cốt lõi của quá trình này không nằm ở các chương trình liên kết bề nổi, mà ở sự thấm thấu có hệ thống các giá trị liên văn hóa và năng lực toàn cầu vào tận lõi của hệ thống giáo dục quốc gia. Việc phân tích thấu đáo các mô hình thành công trên thế giới sẽ phác thảo nên một bức tranh

toàn cảnh về cách thức vận hành giáo dục như một công cụ tự cường và hội nhập. Đây chính là nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng để mọi quốc gia có thể định hình một lộ trình phát triển bền vững, nơi bản sắc dân tộc được nâng tầm bằng những tiêu chuẩn chất lượng mang tính phổ quát của nhân loại.

2. Tổng quan nghiên cứu

Quốc tế hóa giáo dục không còn là một lựa chọn mà đã trở thành chiến lược tất yếu để các quốc gia nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nhiều nghiên cứu khẳng định rằng các hệ thống giáo dục tiên tiến hiện nay đã chuyển dịch từ việc truyền thụ tri thức thuần túy sang việc kiến tạo môi trường hình thành những năng lực cốt lõi, giúp người học thích ứng với một “thế giới phẳng” đầy biến động (Darling-Hammond, 2010; Gardner,

¹ This article is part of the institutional-level research project entitled “Solutions for Developing the Internationalization of General Education in Ho Chi Minh City (the former Binh Duong Province area) in the Context of Integration.” Project code: DT.25.1-100.

2009). Đặc biệt, giai đoạn phổ thông được xem là thời điểm vàng để định hình các giá trị và tư duy quốc tế (Kagan & Stewart, 2004). Việc quốc tế hóa ở cấp độ này không chỉ đơn thuần là việc dạy ngoại ngữ, mà là quá trình tích hợp các khía cạnh quốc tế, toàn cầu và liên văn hóa vào mục tiêu, chức năng, chương trình giảng dạy của nhà trường.

Các công trình khoa học cho rằng, quốc tế hóa giáo dục phổ thông hiện nay đang chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình tập trung vào sự “di chuyển” (mobility) sang các hình thức đa dạng và linh hoạt hơn. Nếu như trước đây, quốc tế hóa thường gắn liền với việc trao đổi học sinh, giáo viên hoặc du học tại chỗ (Carroll & Ryan, 2005), thì các nghiên cứu gần đây nhấn mạnh đến vai trò của “quốc tế hóa tại chỗ” (Internationalization at Home) và quốc tế hóa dựa trên công nghệ số (Council of Europe, 2019; Richter & Kjellgren, 2024). Thông qua việc sử dụng các chương trình quốc tế như Tú tài quốc tế (IB), các nhà trường thúc đẩy “tư duy quốc tế” ngay trong lớp học địa phương, giúp học sinh tiếp cận với các vấn đề toàn cầu mà không cần di chuyển vật lý. Các công trình của Hanvey (1976) và Gardner (2002) cũng sớm chỉ ra rằng, một triển vọng toàn cầu có thể đạt được thông qua việc rèn luyện nhận thức về các hệ thống trên thế giới và sự thấu cảm liên văn hóa.

Các mô hình thực chứng về trường phổ thông quốc tế hóa đã làm rõ những cơ chế cốt lõi để hiện thực hóa mục tiêu hội nhập. Theo Fielding và Vidovich (2017), tiến trình này diễn ra tại điểm giao thoa giữa các yếu tố toàn cầu và địa phương (global-local nexus). Sự thành công của một nhà trường quốc tế hóa phụ thuộc vào khả năng phát triển năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt là việc áp dụng các phương pháp giảng dạy đáp ứng văn hóa (culturally responsive practices) và kỹ năng giảng dạy trong môi trường đa văn hóa (Bottiani et al., 2018; Gopal, 2011). Bên cạnh đó, các mô hình quản trị nhà trường cần phải được thiết kế một cách có chủ đích, từ việc tích hợp khung năng lực quốc tế vào chương trình giảng dạy đến việc xây dựng văn hóa nhà trường tôn trọng sự đa dạng (Mansilla & Jackson, 2011; Hattingh, 2016).

Tại Việt Nam, tiến trình quốc tế hóa giáo dục phổ thông đã có những bước chuyển mình quan trọng gắn liền với các nghị quyết về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xem là nền tảng chính sách

then chốt, chuyển đổi mạnh mẽ từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà trường kết nối với các chuẩn mực quốc tế (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Việc công bố kết quả PISA cho thấy nỗ lực của hệ thống giáo dục Việt Nam trong việc đối sánh chất lượng với các quốc gia OECD (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu trong nước cũng chỉ ra rằng việc triển khai quốc tế hóa tại Việt Nam vẫn còn phân tán, chủ yếu tập trung vào các liên kết đào tạo hoặc các trường tư thục, trong khi các khung hướng dẫn về quốc tế hóa tại chỗ gắn với chuyển đổi số vẫn chưa được cụ thể hóa (Tiến & Hương, 2014; Hương, 2014; Đức, 2010). Do đó, nhu cầu cấp thiết hiện nay là xây dựng một lộ trình quốc tế hóa phổ thông có hệ thống, dựa trên bằng chứng khoa học và thực tiễn để chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng thích ứng với thế giới tương lai.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Nghiên cứu định tính cho phép khai thác chiều sâu của các khung khái niệm, mô hình và thực hành giáo dục, đồng thời làm rõ các cơ chế tác động giữa quốc tế hóa giáo dục và phát triển năng lực toàn cầu của học sinh trong những bối cảnh khác nhau.

Hai tiếp cận chủ đạo được vận dụng là phân tích tài liệu và so sánh – đối chiếu quốc tế. Phân tích tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa các khung lý thuyết và chính sách về năng lực toàn cầu, giáo dục công dân toàn cầu và quốc tế hóa giáo dục phổ thông từ các tổ chức quốc tế cũng như các công trình học thuật tiêu biểu. Tiếp cận so sánh – đối chiếu cho phép nhận diện điểm tương đồng và khác biệt trong cách các quốc gia triển khai quốc tế hóa giáo dục phổ thông, phát triển năng lực toàn cầu cho học sinh.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Quốc tế hóa giáo dục phổ thông: nội hàm và cấp độ

Quốc tế hóa giáo dục là quá trình tích hợp các yếu tố quốc tế, liên văn hóa và toàn cầu vào mục tiêu, nội dung, phương pháp và tổ chức của hoạt động giáo dục. Ở bậc phổ thông, quốc tế hóa giáo dục có thể được hiểu là quá trình tạo dựng môi trường học tập và trải nghiệm giáo dục giúp học sinh tiếp cận các chuẩn mực, giá trị và tri thức toàn cầu, đồng thời phát triển năng lực liên văn hóa ngay từ những năm học đầu đời. Nội hàm của quốc tế hóa giáo dục phổ thông không chỉ giới hạn ở

việc áp dụng chương trình quốc tế hay dạy bằng ngoại ngữ, mà bao gồm cả đổi mới nội dung học tập, phương pháp sư phạm, quản trị nhà trường, văn hóa học đường theo hướng cởi mở, đa dạng và kết nối quốc tế (Fielding & Vidovich, 2017).

Về cấp độ và hình thức, các nghiên cứu thường phân biệt ba dạng quốc tế hóa chủ yếu. Thứ nhất là quốc tế hóa dựa trên di chuyển, bao gồm trao đổi học sinh, giáo viên, các chuyến học tập ngắn hạn, hoặc hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài. Đây là hình thức truyền thống, mang lại trải nghiệm trực tiếp nhưng thường đòi hỏi nguồn lực tài chính và tổ chức lớn, do đó chỉ tiếp cận được một bộ phận học sinh. Thứ hai là quốc tế hóa tại chỗ (internationalisation at home), nhấn mạnh việc tích hợp yếu tố quốc tế và liên văn hóa ngay trong chương trình, lớp học và hoạt động của nhà trường, nhằm bảo đảm mọi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực toàn cầu mà không cần di chuyển. Thứ ba là quốc tế hóa trực tuyến hoặc dựa trên công nghệ (virtual / online internationalisation), tận dụng các nền tảng số để tổ chức học tập xuyên biên giới, dự án hợp tác quốc tế và trao đổi học thuật trực tuyến (Council of Europe, 2019).

Xu hướng chung của giáo dục phổ thông hiện nay là chuyển dần trọng tâm từ các hình thức “đi ra ngoài” sang “quốc tế hóa trong lớp học”, kết hợp linh hoạt giữa quốc tế hóa tại chỗ và quốc tế hóa trực tuyến. Cách tiếp cận này không chỉ giúp mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục quốc tế cho số đông học sinh, mà còn phù hợp hơn với bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu phát triển bền vững của các hệ thống giáo dục (OECD, 2020; Richter & Kjellgren, 2024).

4.2. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển quốc tế hóa giáo dục phổ thông

Quốc tế hóa giáo dục phổ thông hiện nay đã trở thành xương sống trong chiến lược phát triển nhân lực của các quốc gia nhằm đối phó với những biến động phức tạp của kỷ nguyên toàn cầu hóa. Thực tiễn quốc tế chứng minh rằng quốc tế hóa giáo dục phổ thông không chỉ dừng lại ở việc dạy ngoại ngữ hay trao đổi học sinh, mà là một quá trình cải cách toàn diện hệ thống từ triết lý giáo dục, cấu trúc chương trình đến phương thức quản trị nhà trường. Các quốc gia thuộc khối OECD thực hiện xu hướng này bằng việc nội địa hóa các chuẩn mực quốc tế thay vì chỉ ngoại hóa chương trình một cách cơ học. Kinh nghiệm của khối này cho thấy

quốc tế hóa thành công nhất khi phá vỡ rào cản giữa các môn học truyền thống để tích hợp các vấn đề toàn cầu theo hướng liên ngành. Phương pháp học tập qua dự án và tranh luận xã hội tại đây giúp học sinh hình thành khả năng hành động và hợp tác hiệu quả trong môi trường làm việc đa chiều.

Tại Châu Âu, quốc tế hóa giáo dục phổ thông mang đậm tính chính trị và xã hội, hướng tới việc xây dựng một bản sắc công dân kép để tăng cường sự gắn kết trong một châu lục đa dạng. Điểm nổi bật của mô hình này là việc chuẩn hóa các khung chương trình chung và triển khai mạnh mẽ các nền tảng số xuyên biên giới nhằm kết nối các trường học trên toàn lãnh thổ. Kinh nghiệm của Châu Âu khẳng định rằng quốc tế hóa hiệu quả nhất khi tạo ra được sự trải nghiệm thực chất thông qua các dự án học tập chung giữa các quốc gia khác nhau. Trong khi đó, các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương như Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc lại thực hiện quốc tế hóa theo phương châm tư duy toàn cầu kết hợp với hành động địa phương. Các quốc gia này sử dụng giáo dục quốc tế như một chiến lược để vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, vừa bảo tồn và lan tỏa sức mạnh mềm của dân tộc. Bài học cốt lõi từ khu vực này là quốc tế hóa chỉ bền vững khi phục vụ cho mục tiêu phát triển quốc gia rõ ràng và đặt trên nền tảng bản sắc văn hóa vững chãi.

Riêng tại Úc và Canada, quốc tế hóa giáo dục được tiếp cận từ góc độ quản trị sự đa dạng nội tại của xã hội nhập cư ngay trong lòng đất nước. Giáo dục phổ thông ở đây mặc định phải mang tính quốc tế để giải quyết các mâu thuẫn văn hóa và thúc đẩy sự hòa nhập ngay trong từng lớp học. Các dự án học tập phục vụ cộng đồng yêu cầu học sinh tương tác trực tiếp với các nhóm dân cư đa văn hóa, giúp biến các khái niệm hội nhập trừu tượng thành hành động thực tế. Điều này giúp học sinh hình thành thái độ tôn trọng sự khác biệt một cách tự nhiên và sâu sắc thông qua các trải nghiệm thực chứng hàng ngày. Từ thực tiễn triển khai tại các quốc gia, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, quốc tế hóa là tiến trình kiến tạo nội lực và định vị quốc gia trong cấu trúc quyền lực toàn cầu.

Quốc tế hóa không phải là quá trình “ngoại hóa” hay vay mượn mô hình, mà là một chiến lược kiến tạo nội lực. Các quốc gia thành công như Singapore hay Hàn Quốc đã chứng minh rằng, quốc tế hóa chỉ phát huy hiệu quả tối đa khi nó

được đặt trong một chỉnh thể thống nhất với chiến lược phát triển quốc gia dài hạn. Nếu một quốc gia tiếp cận quốc tế hóa theo cách manh mún, mang tính phong trào hoặc chỉ dừng lại ở việc “nhập khẩu” các chương trình quốc tế (như IB hay Cambridge) một cách cơ học, thì kết quả thu được chỉ là sự hình thành của các “ốc đảo giáo dục” dành cho tầng lớp thượng lưu, gây ra sự đứt gãy về công bằng xã hội. Ngược lại, khi được dẫn dắt bởi một tầm nhìn chiến lược của Nhà nước, quốc tế hóa trở thành một bộ lọc tinh hoa, giúp hệ thống giáo dục quốc gia hấp thụ các tiêu chuẩn chất lượng cao nhất để tự nâng cấp chính mình. Bài học ở đây là phải biến những giá trị quốc tế thành các chuẩn mực nội địa, dùng ngoại lực để kích hoạt và thúc đẩy sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống giáo dục phổ thông thay vì chỉ tạo ra một vài điểm sáng cục bộ.

Thứ hai, sự dịch chuyển trọng tâm từ “hấp thụ kiến thức” sang “năng lực toàn cầu” và tư duy thích ứng đa chiều.

Các quốc gia dẫn đầu không còn chạy theo số lượng các môn học “ngoại” mà tập trung vào việc hình thành Năng lực toàn cầu cho học sinh. Đây là một khái niệm phức hợp bao gồm: khả năng phân tích các vấn đề mang tính hệ thống (như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, bất bình đẳng), sự nhạy cảm liên văn hóa và trách nhiệm hành động vì cộng đồng nhân loại. Khối OECD đã coi quốc tế hóa giáo dục phổ thông là quá trình trang bị cho học sinh một “la bàn tư duy” để các em không bị lạc lối trong một thế giới đa chiều và đầy biến động. Học sinh không chỉ học ngoại ngữ để giao tiếp, mà học ngoại ngữ để hiểu về các thế giới quan khác nhau, từ đó hình thành năng lực đối thoại và giải quyết xung đột văn hóa. Bài học rút ra là nếu không đặt việc phát triển năng lực làm trung tâm, quốc tế hóa sẽ dễ bị sa đà vào việc “trang trí” chương trình bằng các yếu tố ngoại lai mà bỏ quên việc rèn luyện bản lĩnh và tư duy cho thế hệ trẻ - những người sẽ phải đối mặt với những thách thức mà biên giới quốc gia không còn là rào cản.

Thứ ba, tính đồng bộ hữu cơ trong hệ sinh thái giáo dục: Từ chương trình đến phương pháp giảng dạy và khảo thí.

Quốc tế hóa là một cuộc cách mạng về hệ sinh thái, không phải là sự thay đổi đơn lẻ từng thành phần. Các quốc gia đạt hiệu quả cao đã triển khai quốc tế hóa thông qua một cấu trúc kiềng ba chân vững chắc: Đổi mới chương trình theo hướng tích

hợp; Đổi mới phương pháp theo hướng lấy người học làm trung tâm; Đổi mới đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực. Trong chương trình giáo dục phổ thông của các nước phát triển, các vấn đề toàn cầu được đưa vào như một mạch nội dung xuyên suốt, mang tính liên môn chứ không nằm riêng biệt. Phương pháp dạy học chuyển dịch mạnh mẽ từ diễn giảng sang học tập qua dự án (PBL), nơi học sinh phải tự mình điều tra, phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề thực tế. Đặc biệt, bài học quan trọng nhất nằm ở hệ thống đánh giá. Nếu hệ thống khảo thí quốc gia vẫn nặng về ghi nhớ và lý thuyết, mọi nỗ lực quốc tế hóa chương trình sẽ bị “hòa tan” hoặc bị bóp méo. Các quốc gia thành công đã dũng cảm cải cách hệ thống thi cử, chấp nhận các hình thức đánh giá đa dạng để đo lường được sự sáng tạo, kỹ năng cộng tác và tư duy phân biện của học sinh.

Thứ tư, giáo viên là lực lượng trung tâm và là “mắt xích” quyết định sự thành bại của quá trình hội nhập.

Chất lượng của quốc tế hóa không bao giờ vượt qua được chất lượng của đội ngũ giáo viên. Trong kỷ nguyên công nghệ số, vai trò của người thầy đã chuyển từ “người truyền đạt kiến thức” sang “người thiết kế môi trường học tập quốc tế”. Các quốc gia như Phần Lan hay Canada đầu tư rất lớn vào việc xây dựng Năng lực quốc tế cho đội ngũ sư phạm. Điều này không chỉ giới hạn ở trình độ ngoại ngữ mà còn bao gồm năng lực thiết kế chương trình, kỹ năng sư phạm đa văn hóa và khả năng sử dụng các nền tảng số để kết nối lớp học với thế giới. Bài học từ thực tiễn cho thấy, nếu giáo viên không được chuẩn bị đầy đủ về mặt tâm thế và kỹ năng, họ sẽ trở thành lực lượng “kháng cự” tự nhiên đối với quá trình quốc tế hóa do áp lực của sự thay đổi. Ngược lại, khi giáo viên được trao quyền chủ động, được bồi dưỡng và có động lực, họ sẽ trở thành những “đại sứ hội nhập”, đưa hơi thở của thế giới vào từng tiết học một cách tự nhiên và sinh động nhất.

Thứ năm, thế cân bằng giữa “Hòa nhập toàn cầu” và “Phòng tuyến văn hóa dân tộc”.

Đây là kinh nghiệm mang tính sống còn đối với các quốc gia đang phát triển và có bề dày văn hóa truyền thống. Các nước Đông Á (Singapore, Nhật Bản, Trung Quốc) cho thấy một nghịch lý: Quốc tế hóa càng sâu rộng thì nhu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc càng phải mạnh mẽ. Do đó, quốc tế hóa không đồng nghĩa với “Tây hóa” hay đánh mất đi

các giá trị cốt lõi của dân tộc. Ngược lại, các quốc gia thành công đã sử dụng quốc tế hóa như một lăng kính để học sinh soi chiếu và hiểu sâu sắc hơn về các giá trị của quốc gia mình. Một cá nhân chỉ có thể tự tin bước ra thế giới khi họ biết rõ mình là ai và đại diện cho nền văn hóa nào. Do đó, nội dung giáo dục bản sắc, lịch sử và ngôn ngữ dân tộc phải là nền tảng vững chắc nhất trước khi tiếp nhận các giá trị quốc tế. Việc thiếu chú trọng yếu tố này sẽ dẫn đến tình trạng “đứt gãy văn hóa”, khiến học sinh trở thành những người tiếp thu một cách thụ động và lai căng các giá trị ngoại lai.

Thứ sáu, mô hình quản trị đa bên và sự cộng hưởng nguồn lực xã hội.

Quốc tế hóa giáo dục phổ thông là một tiến trình mang tính hệ thống, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa nhà nước, nhà trường, gia đình và cộng đồng doanh nghiệp. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo khung chính sách và đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng; nhà trường là thực thể sáng tạo và triển khai; trong khi gia đình và xã hội đóng vai trò là môi trường thực chứng và hỗ trợ nguồn lực. Các quốc gia thành công đã xây dựng được một “Hệ sinh thái quốc tế hóa” bền vững bằng cách huy động sự tham gia của các doanh nghiệp toàn cầu trong việc hướng nghiệp, các tổ chức quốc tế trong việc kết nối giao lưu văn hóa và sự đồng thuận của phụ huynh trong việc đầu tư cho tương lai. Bài học về quản trị ở đây là phải tạo ra cơ chế để tất cả các bên liên quan đều thấy được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc đào tạo nên những thế hệ công dân toàn cầu ưu tú.

Như vậy, quốc tế hóa giáo dục phổ thông là một quá trình tiến hóa tất yếu nhưng đầy thách thức. Nó đòi hỏi một tư duy hệ thống, một sự kiên trì chiến lược và một bản lĩnh văn hóa vững vàng. Những bài học trên không phải là những công thức cứng nhắc, mà là những gợi mở sâu sắc về mặt tư duy quản lý và sự phạm.

5. Bàn luận

Để chuyển hóa các giá trị toàn cầu thành động lực phát triển nội sinh, hệ thống chính sách giáo dục Việt Nam cần tập trung vào các nhóm hàm ý chiến lược sau đây:

Một là, kiến tạo khuôn khổ thể chế và định danh pháp lý cho quốc tế hóa như một chiến lược quốc gia. Hiện nay, các quy định pháp lý tại Việt Nam vẫn đang tiếp cận quốc tế hóa theo hướng quản lý các dự án liên kết nhỏ lẻ hoặc các trường có vốn đầu tư nước ngoài. Yêu cầu đặt ra là phải

coi quốc tế hóa là một thuộc tính tất yếu của mọi ngôi trường phổ thông trong kỷ nguyên số. Nhà nước cần xây dựng một Bộ tiêu chuẩn quốc gia về “Trường học quốc tế hóa”, bao gồm các chỉ số về quản trị nhà trường, tích hợp chương trình và năng lực hội nhập. Việc ban hành hành lang pháp lý thông thoáng nhưng nghiêm ngặt về hậu kiểm sẽ tạo ra sự sàng lọc tự nhiên, loại bỏ những chương trình “quốc tế hình thức” và thúc đẩy những mô hình thực chất, bền vững.

Hai là, nội địa hóa các khung năng lực toàn cầu vào chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục quốc gia. Cần cụ thể hóa khung năng lực toàn cầu vào Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Cần ban hành các hướng dẫn về việc tích hợp các giá trị toàn cầu như tư duy hệ thống, sự thấu cảm văn hóa và phát triển bền vững vào tất cả các môn học. Đặc biệt, chính sách về ngôn ngữ cần có sự đột phá: thực hiện lộ trình để tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Điều này đòi hỏi các văn bản pháp lý phải cho phép giảng dạy các môn Toán và Khoa học bằng tiếng Anh một cách rộng rãi hơn.

Ba là, cải cách hệ thống khảo thí và công nhận văn bằng theo hướng liên thông quốc tế. Một trong những nút thắt lớn nhất hiện nay là sự lệch pha giữa đổi mới phương pháp dạy học và hệ thống thi cử. Đề quốc tế hóa đi vào chiều sâu, phải quốc tế hóa hệ thống đánh giá quốc gia. Cần mở rộng chính sách công nhận và quy đổi điểm số từ các chứng chỉ quốc tế uy tín (như SAT, ACT, IB, A-Level) vào kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học một cách nhất quán. Bên cạnh đó, các kỳ thi quốc gia cần dịch chuyển mạnh mẽ theo hướng đánh giá năng lực (competency-based) tương đương với chuẩn PISA thay vì đánh giá kiến thức thuần túy. Khi “ngọn hải đăng” khảo thí thay đổi, tư duy dạy và học trong toàn hệ thống sẽ tự động chuyển dịch theo hướng thực chất, rũ bỏ tư duy học thuộc lòng để đổi phó.

Bốn là, thực hiện chiến lược “Nhà giáo toàn cầu” thông qua chính sách đào tạo và tự chủ nhân lực. Mọi chính sách quốc tế hóa sẽ chỉ nằm trên giấy nếu không có một đội ngũ giáo viên đủ năng lực thực thi. Do đó, phải thực hiện một cuộc cách mạng trong đào tạo sư phạm, tập trung vào ba trụ cột: Năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ giáo dục và năng lực sư phạm đa văn hóa. Cần thiết lập các chương trình trao đổi giáo viên quốc tế quy mô lớn, gửi giáo viên đi tu nghiệp nước ngoài và đón

nhận giáo viên tình nguyện từ các nước tiên tiến. Đồng thời, cần có cơ chế “mở” về nhân sự, đơn giản hóa thủ tục cho phép các trường phổ thông thuê giáo viên nước ngoài giảng dạy môn chuyên ngành. Chính sách đãi ngộ cũng cần được điều chỉnh để tôn vinh và giữ chân những giáo viên có khả năng giảng dạy bằng ngoại ngữ và thiết kế chương trình quốc tế.

Năm là, thiết lập “Màng lọc văn hóa” và bảo tồn bản sắc trong môi trường hội nhập. Quốc tế hóa giáo dục tại Việt Nam mang nhiệm vụ kép: tiếp thu tinh hoa thế giới nhưng phải bảo tồn linh hồn dân tộc. Cần thiết lập cơ chế kiểm soát nội dung giáo dục giá trị dân tộc một cách khoa học. Tất cả các chương trình quốc tế triển khai tại Việt Nam đều phải cam kết thực hiện đầy đủ khung nội dung về Ngôn ngữ, Lịch sử và Văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, thay vì áp đặt các nội dung khô cứng, nên khuyến khích việc giảng dạy giá trị Việt bằng phương pháp hiện đại và ngôn ngữ quốc tế. Cần “hiện đại hóa bản sắc” để giúp học sinh Việt Nam không bị “lai căng” hay “xa lạ” với chính cội nguồn của mình khi tiếp xúc với các nền văn hóa đa dạng.

Sáu là, đột phá cơ chế phối hợp công - tư (PPP) và xã hội hóa nguồn lực quốc tế hóa. Nguồn lực ngân sách là có hạn, do đó phải xây dựng cơ chế huy động nguồn lực xã hội một cách thông minh. Cần ban hành các quy định cụ thể về hợp tác công - tư trong giáo dục phổ thông, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ đầu tư hạ tầng số để thực

hiện các mô hình “Lớp học xuyên biên giới”. Cần có ưu đãi thuế và đất đai vượt trội cho các tổ chức giáo dục quốc tế uy tín đầu tư lâu dài. Bên cạnh đó, cần hình thành các quỹ học bổng quốc tế hóa dành riêng cho học sinh ở vùng nông thôn để đảm bảo công bằng xã hội. Sự gắn kết giữa nhà trường, doanh nghiệp toàn cầu và cộng đồng sẽ tạo ra một hệ sinh thái giáo dục mở, nơi mỗi học sinh đều có cơ hội tiếp cận chuẩn mực thế giới bất kể điểm xuất phát.

6. Kết luận

Quốc tế hóa giáo dục không phải là sự thay thế cái cũ, mà là quá trình nâng tầm vị thế giáo dục Việt Nam trên bản đồ thế giới, kiến tạo một thế hệ người Việt mới: có trí tuệ toàn cầu, bản lĩnh Việt Nam và khả năng làm chủ tương lai. Do đó, quốc tế hóa giáo dục phổ thông không chỉ là một nhiệm vụ giáo dục thuần túy mà là một cuộc đổi mới tư duy quốc gia. Việc vận dụng kinh nghiệm quốc tế phải đi đôi với các quyết sách chính trị quyết liệt nhằm kiến tạo một nền giáo dục công bằng, chất lượng và đậm đà bản sắc. Khi quốc tế hóa được thực thi dựa trên tinh thần tự cường, tự tôn, tự hào dân tộc và sự đồng bộ về thể chế sẽ trở thành động lực mạnh mẽ nhất để thế hệ trẻ Việt Nam tự tin làm chủ vận mệnh và khẳng định vị thế của dân tộc trên trường quốc tế. Đây là hành trình không có điểm dừng, đòi hỏi sự kiên định và tầm nhìn xa rộng của những nhà hoạch định chính sách cho tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Bo Giao duc va Dao tao. (2018). *Chương trình giao duc pho thong*. <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-tong-the-2018-kem-theo-thong-tu-32-138036080.html>.
- Bo Giao duc va Dao tao. (2019). *Cong bo ket qua danh gia hoc sinh quoc te PISA 2018*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx%3FItemID=6389>.
- Bottiani, J. H., Larson, K. E., Debnam, K. J., Bischoff, C. M., & Bradshaw, C. P. (2018). Promoting educators' use of culturally responsive practices: A systematic review of inservice interventions. *Journal of Teacher Education*, 69(4), 367–385. <https://doi.org/10.1177/0022487117722553>.
- Carroll, J., & Ryan, J. (2005). *Teaching international students: Improving learning for all*. Routledge.
- Council of Europe. (2019). *Digital Citizenship Education Handbook*. Retrieved on February 1, 2026 from <https://rm.coe.int/16809382f9>.
- Darling-Hammond, L. (2010). *The flat world and education: How America's commitment to equity will determine our future*. New York: Teachers College Press.
- Duc, T. K. (2010). *Giao duc va phat trien nguon nhan luc trong the ky XXI*. NXB: Giao duc Viet Nam.
- Fielding, M., & Vidovich, L. (2017). Internationalisation in practice in Australian independent secondary schools: A global–local nexus? *Compare: A Journal of Comparative and International Education*,

- 47(2), 148–162. <https://doi.org/10.1080/03057925.2016.1169158>.
- Gardner, H. (2009). *Five minds for the future*. Harvard Business School Press.
- Gopal, A. (2011). Internationalization of higher education: Preparing faculty to teach cross-culturally. *International Journal on Teaching and Learning in Higher Education*, 23(3), 373–381.
- Hanvey, R. G. (1976). *An attainable global perspective*. New York: *The American Forum for Global Education* (Reprinted 2004).
- Hattingh, S. (2016). A review of literature: What is an ideal internationalised school? *Educational Review*, 68(3), 306–321. <https://doi.org/10.1080/00131911.2015.1087970>.
- Huong, P. L. (2014). *Giao duc quoc te: Mot vai tu lieu va so sanh*. NXB: Dai hoc Quoc gia Thanh pho Ho Chi Minh.
- Kagan, S. L., & Stewart, V. (2004). International education in the schools: The state of the field. *Phi Delta Kappan Magazine*, 86(3), 229–235.
- Mansilla, V. B., & Jackson, A. (2011). *Educating for global competence: Preparing our youth to engage the world*. Asia Society/CCSSO.
- OECD. (2020). *PISA 2018 Results (Volume VI): Are Students Ready to Thrive in an Interconnected World?* OECD Publishing. February 1, 2026 from <https://doi.org/10.1787/d5f68679-en>.
- Richter, T., & Kjellgren, B. (2024). Global competence development around the world: A systematic review of practical initiatives in engineering education. *Cogent Education*, 11(1).
- Tien, P. D. N. & Huong, P. L. (2014). *Giao duc Viet Nam hoi nhap quoc te*. NXB: Dai hoc Quoc gia Thanh pho Ho Chi Minh.

PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM²

Nguyễn Văn Thắng¹

Lê Tuấn Kiệt²

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: thangnv.ks@tdmu.edu.vn¹; 2423102060123@student.tdmu.edu.vn²

Ngày nhận bài: 27/02/2026; Ngày phản biện: 01/3/2026; Ngày tác giả sửa: 5/3/2026;

Ngày duyệt đăng: 19/3/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i1.354>

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, quốc tế hóa giáo dục phổ thông trở thành chiến lược quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và chuẩn bị nguồn nhân lực thích ứng với môi trường đa chiều. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phân tích tài liệu và so sánh quốc tế để làm rõ nội hàm, cấp độ và mô hình triển khai quốc tế hóa giáo dục phổ thông. Kết quả cho thấy quốc tế hóa không chỉ là áp dụng chương trình quốc tế hay trao đổi học sinh, mà là quá trình tích hợp các yếu tố toàn cầu, liên văn hóa vào mục tiêu, chương trình, phương pháp giảng dạy, quản trị và văn hóa nhà trường. Kinh nghiệm quốc tế nhấn mạnh vai trò của tầm nhìn chiến lược quốc gia, phát triển năng lực toàn cầu cho học sinh, cải cách đánh giá theo hướng năng lực, đầu tư cho đội ngũ giáo viên và duy trì cân bằng giữa hội nhập và bản sắc dân tộc. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các gợi mở chính sách cho Việt Nam nhằm xây dựng khuôn khổ thể chế đồng bộ, nội địa hóa khung năng lực toàn cầu, cải cách khảo thí và phát triển đội ngũ giáo viên, hướng tới kiến tạo thể hệ công dân có trí tuệ toàn cầu và bản lĩnh Việt Nam.

Từ khóa: Công dân toàn cầu; Chuyển đổi số trong giáo dục; Kinh nghiệm quốc tế; Quốc tế hóa giáo dục phổ thông.

² Bài viết thuộc đề tài khoa học cấp cơ sở: “Giải pháp phát triển quốc tế hóa giáo dục phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh (khu vực tỉnh Bình Dương cũ) trong bối cảnh hội nhập”. Mã số: DT.25.1-100.